

Bản án số: 41/2024/HS-ST

Ngày 10-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đại S, sinh năm 1961 tại huyện K1, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư V1, thị trấn P, huyện K1, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần M; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Cung Thị V; có vợ là Trần Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 59/2023/HS-PT ngày 26/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đại S 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù từ ngày 17/7/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự:

+ Cục Thuế tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Đường Trường Chinh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Công T, chức vụ: Cục Trưởng; người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Công T: Bà Lê Thanh T1, chức vụ: Trưởng phòng Thanh tra, Kiểm tra số 3 Cục Thuế tỉnh Hải Dương (vắng mặt)

+ Chi cục Thuế khu vực Kim Môn, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quang H1, chức vụ: Chi cục Trưởng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty Cổ phần K; địa chỉ: phường T2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Hỏa Sinh C, chức vụ: Tổng Giám đốc; (vắng mặt)

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Z; địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương; người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thu H1, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ x, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Z, vắng mặt)

+ Ông Lê Văn M1, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu x, phường M2, thị xã D1, tỉnh Quảng Ninh; (Công ty Cổ phần K, vắng mặt)

+ Công ty Cổ phần M; địa chỉ: Khu N1, phường T2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Đình Văn Q, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Trần Thị Thanh T3, bà Vũ Thị Ngọc H và bà Hoàng Thị Thu N.

- *Người phiên dịch:* Bà Trần Thị Kim O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần M (gọi tắt là Công ty M), mã số thuế 0800267806, địa chỉ khu N1, phường T2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương do ông Đình Văn Q làm Giám đốc và Nguyễn Đại S làm Phó Giám đốc. Ngày 28/10/2020, Cục Thuế tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 6954/QĐ-CT về việc thanh tra đột xuất việc chấp hành pháp luật thuế giai đoạn 2018-2019 tại Công ty Cổ phần M. Kết quả thanh tra phát hiện được Công ty Cổ phần M có dấu hiệu trốn thuế, mua bán trái phép hóa đơn nên Cục Thuế tỉnh Hải Dương chuyển hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã kết thúc điều tra vụ án: “Mua bán trái phép hóa đơn” và “Trốn thuế” xảy ra tại Công ty Cổ phần M và Công ty Cổ phần P1 ra Quyết định số 07 ngày 17/8/2022 tách hành vi, tài liệu để tiếp tục làm rõ việc mua bán hàng hóa, sử dụng hóa đơn giữa Công ty Cổ phần M với các doanh nghiệp khác. Kết quả điều tra xác định từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019, Nguyễn Đại S được sự ủy quyền của ông Đình Văn Q trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty M đã thực hiện những hành vi cụ thể như sau:

Trong năm 2018 và 2019, Công ty Cổ phần K (gọi tắt là Công ty K), địa chỉ , phường T2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương do ông Hỏa Sinh C (quốc tịch: Trung Quốc) làm Tổng Giám đốc, sửa chữa, xây dựng mới một số hạng mục công trình nhỏ tại khuôn viên công ty và giao cho ông Lê Văn M1 làm Trưởng Phòng hành chính triển khai thực hiện. Do khối lượng công việc nhỏ, ông Lê Văn M1 thuê một

số đội thợ thủ công và cá nhân lái máy xúc thực hiện việc xây dựng và sửa chữa. Sau đó, ông M1 tập hợp chi phí nhân công và vật tư kèm theo đề xuất Công ty K thanh toán. Do yêu cầu phải có hoá đơn thì mới đủ thủ tục thanh toán nên ông M1 đã mua hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của Nguyễn Đại S. Từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2019, Nguyễn Đại S đã bán 09 hóa đơn GTGT gồm: Số 0000377 ghi ngày 10/10/2018, số 0000549 ghi ngày 17/01/2019, số 0000426 ghi ngày 13/11/2018, số 0000428 ghi ngày 15/11/2018, số 0000478 ghi ngày 12/12/2018, số 0000547 ghi ngày 16/01/2019, số 0000671 ghi ngày 12/03/2019, số 0000818 ghi ngày 04/5/2019, số 0000950 ghi ngày 20/6/2019 của Công ty M, đã ghi đầy đủ nội dung nhưng không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo cho Công ty K, giá trị tiền hàng là 542.211.060 đồng và tiền thuế GTGT là 54.221.106 đồng; tổng cả tiền hàng và tiền thuế GTGT là 596.432.166 đồng, với giá 01% giá trị hàng hoá thể hiện trên các hoá đơn. Việc lập 09 hóa đơn GTGT được Nguyễn Đại S dựa trên lượng hàng hóa, dịch vụ do ông Lê Văn M1 gửi và S đã chỉ đạo bà Vũ Thị Ngọc H làm kế toán Công ty M ghi nội dung hàng hóa, dịch vụ vào 09 hóa đơn trên để S ký xác nhận vào mục thủ trưởng đơn vị, đóng dấu tròn Công ty M và xuất cho Công ty K. Công ty K đã thanh toán tổng số tiền 596.432.166 đồng cho Công ty M bằng hình thức chuyển vào tài khoản ngân hàng số 46210000000502 của Công ty M mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hải Dương. S chỉ đạo bà H đến Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hải Dương rút toàn bộ số tiền trên và chuyển lại cho S để S chuyển lại 591.000.000 đồng bằng tiền mặt cho ông M1, S giữ lại 5.432.116 đồng để sử dụng. Công ty K sử dụng 09 hoá đơn GTGT nêu trên để hạch toán thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ đầu vào tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương và đã được khấu trừ thuế trong năm 2018, 2019 số tiền 54.221.106 đồng.

Ngày 22/10/2020, sau khi được Cục Thuế tỉnh Hải Dương thông báo về việc sử dụng hóa đơn của Công ty Cổ phần M có dấu hiệu rủi ro cao về thuế, Công ty K đã lập tờ khai thuế GTGT bổ sung và Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 54.221.106 đồng.

Công ty TNHH Z (gọi tắt là Công ty Z), địa chỉ tại thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương do bà Trần Thị Thu H1 làm Giám đốc. Tháng 9/2019, bà H1 thuê lao động tự do, mua vật liệu, linh kiện của các nhà cung cấp Việt Nam để gia công, lắp ráp hoàn thiện sản phẩm gồm khóa cước, khóa kim loại, củ khóa chống nước, củ khóa nhựa, củ khóa đồng và dây khóa các loại cho Công ty Cổ phần Intellife, địa chỉ quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Công ty cổ phần FC Thăng Long, địa chỉ quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Để hợp pháp hóa chi phí sản xuất không có hóa đơn, chứng từ, bà Trần Thị Thu H1 mua hóa đơn GTGT của Nguyễn Đại S. Sau khi bà H1 cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ, S chỉ đạo bà Vũ Thị Ngọc H lập 02 hóa đơn GTGT gồm: Số 0001193 ngày 04/9/2019, số 0001360 ngày 31/10/2019, giá trị tổng tiền hàng là 191.750.000 đồng, tiền thuế GTGT là 19.175.000 đồng, tổng cộng tiền thanh toán: 210.925.000 đồng của Công ty M để S ký xác nhận vào mục thủ trưởng đơn vị, đóng dấu tròn Công ty M và xuất cho Công ty Z. S bán 02 hóa đơn GTGT nêu trên cho bà H1 với giá 01% giá trị hàng hoá ghi trên hóa đơn. Công ty Z đã thanh toán tổng số tiền là 210.925.000 đồng vào tài khoản số 46210000000502 của Công ty M mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hải Dương. S chỉ đạo bà H đến Ngân hàng rút toàn bộ số tiền trên và

chuyển lại cho S để trả cho bà H1 209.000.000 đồng bằng tiền mặt, S giữ lại 1.925.000 đồng để sử dụng. Công ty TNHH Z đã sử dụng 02 tờ hóa đơn GTGT mua của Công ty cổ phần M, để kê khai, hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào tại Chi cục Thuế khu vực Kim Môn và đã được khấu trừ thuế.

Ngày 17/3/2021, sau khi làm việc với cơ quan thuế, Công ty TNHH Z đã tự kê khai điều chỉnh nộp thêm 38.285.855 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 và 16.298.391 đồng thuế GTGT, tổng số tiền 54.584.246 đồng.

Về vật chứng đã quản lý tại hồ sơ vụ án: 09 hoá đơn GTGT (bản gốc) do Công ty M xuất cho Công ty K gồm: Số 0000377 ngày 10/10/2018, số 0000549 ngày 17/01/2019, số 0000426 ngày 13/11/2018, số 0000428 ngày 15/11/2018, số 0000478 ngày 12/12/2018, số 0000547 ngày 16/01/2019, số 0000671 ngày 12/03/2019, số 0000818 ngày 04/5/2019, số 0000950 ngày 20/6/2019 và 02 hóa đơn GTGT (bản gốc) do Công ty M xuất cho Công ty TNHH Z số 0001193 ngày 04/9/2019 và số 0001360 ngày 31/10/2019 và các tài liệu kèm theo gồm: Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu, ủy nhiệm chi, tài liệu về kê khai thuế GTGT, thuế thu nhập.

Kết luận giám định số 107/KL-KTHS ngày 10/5/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN M” tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 11 tờ hoá đơn là hình dấu được đóng trực tiếp của Công ty Cổ phần M.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Đại S tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 11 tờ hoá đơn là chữ ký trực tiếp của Nguyễn Đại S.

Kết luận giám định ngày 06/9/2023, Cục Thuế tỉnh Hải Dương kết luận:

- Hành vi của Công ty TNHH Z sử dụng bất hợp pháp 02 hóa đơn GTGT của Công ty CP M để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng làm tăng số tiền thuế được khấu trừ GTGT là 19.750.000 đồng, thiệt hại Ngân sách Nhà nước về thuế TNDN 38.350.000 đồng. (tổng cộng: 58.100.000 đồng)

- Công ty CP K sử dụng bất hợp pháp 09 hóa đơn GTGT của Công ty CP M để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng làm tăng số tiền thuế được khấu trừ GTGT là 54.221.106 đồng; có dẫn đến hành vi trốn thuế TNDN. Tuy nhiên do trong hồ sơ trưng cầu giám định của cơ quan Công an không có tài liệu đi kèm việc hạch toán giá vốn của 09 tờ hóa đơn GTGT bất hợp pháp để xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, chưa đủ cơ sở để kết luận về số thuế TNDN trốn của Công ty CP K.

- Việc Nguyễn Đại S - Phó Giám đốc Công ty CP M có bán hàng hóa nhưng không xuất hóa đơn GTGT khi bán hàng dẫn đến Công ty CP M có hành vi trốn thuế GTGT và thuế TNDN. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương không xác định giá trị hàng bán lẻ không xuất hóa đơn GTGT là bao nhiêu, do đó các giám định viên không có cơ sở kết luận về số tiền trốn thuế GTGT, TNDN của Công ty CP M.

- Nguyễn Đại S - Phó Giám đốc Công ty CP M có bán hàng hóa là cát, đá, sỏi, nhân công, vận chuyển, bốc xếp ... Công ty CP M có xuất hóa đơn GTGT và đã kê khai, quyết toán thuế là không vi phạm pháp luật về thuế.

Cáo trạng số: 78/CT-VKS-P1 ngày 13/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Đại S về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại Công văn số 1259/CCTKV-HC ngày 04/5/2024, Chi cục Thuế khu vực Kim Môn xác định: Căn cứ hồ sơ khai thuế gửi tới cơ quan thuế và các chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước của NNT đến ngày 04/5/2024, Công ty TNHH Z đã tự kê khai bổ sung điều chỉnh giảm khấu trừ thuế GTGT vào tờ khai GTGT quý 3,4/2019 và giảm chi phí tính thuế TNDN dẫn tới phát sinh thuế TNDN phải nộp năm 2019 đối với việc sử dụng bất hợp pháp 02 hoá đơn GTGT của Công ty CP M. Công ty TNHH Z không còn thiếu số tiền thuế GTGT và thuế TNDN phát sinh từ việc điều chỉnh 02 hoá đơn GTGT đầu vào của Công ty CP M.

Tại phiên tòa: VKSND tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào điểm e khoản 2, khoản 3 Điều 203; Điều 38; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Đại S phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Xử phạt bị cáo tù 12 đến 15 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 33 tháng tù tại Bản án số 59/2023/HS-PT ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 45 đến 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 7 năm 2023. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Không. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính là 7.400.000 đồng nên đề nghị tịch thu số tiền này sung ngân sách nhà nước. Về vật chứng: Không. Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại các đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu nộp bổ sung hay bồi thường gì.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng và nói lời sau cùng đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2019, Nguyễn Đại S - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần M đã bán trái phép 09 hóa đơn GTGT, ghi đầy đủ nội dung của Công ty M cho ông Lê Văn M1 – Trưởng Phòng hành chính Công ty cổ phần K, giá trị tiền hàng 542.211.060 đồng và tiền thuế GTGT là 54.221.106 đồng; tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT 596.432.166 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.422.110 đồng, làm tăng số tiền thuế được khấu trừ GTGT là 54.221.106 đồng và bán 02 hóa đơn GTGT cho bà Trần Thị Thu H1 – Giám đốc Công ty TNHH Z, giá trị tiền hàng 191.750.000 đồng, tiền thuế GTGT 19.175.000 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT 210.925.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.917.500 đồng, làm tăng số tiền thuế được khấu trừ GTGT là 19.750.000 đồng, thiệt hại Ngân sách Nhà nước về thuế TNDN 38.350.000 đồng. Như vậy, Nguyễn Đại S đã bán 11 hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính tổng số tiền 7.339.610 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng), gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 112.321.106 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi một nghìn một trăm linh sáu đồng).

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi bán trái phép các hóa đơn, chứng từ đã ghi đầy đủ nội dung vào hóa đơn, chứng từ nhưng không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đã bán trái phép 11 hóa đơn GTGT đã ghi đầy đủ nội dung nhưng không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo để thu lợi bất chính số tiền 7.339.610 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng), gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 112.321.106 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi một nghìn một trăm linh sáu đồng) nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 của BLHS. Như vậy, VKSND tỉnh Hải Dương truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực thuế được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước nên cần thiết phải áp dụng loại hình phạt nghiêm là phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng giáo dục, trừng trị, răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bản thân được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, 01 Bằng khen, 03 Giấy khen và tự nộp lại số tiền thu lời bất chính 7.400.000

đồng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước nhưng nay bị cáo là người cao tuổi nên chỉ cần phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp với khoản 3 Điều 203 của BLHS.

[7] Biện pháp tư pháp: Bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 7.339.610 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng), bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 7.400.000 đồng, số tiền 60.390 đồng bị cáo tự nguyện sung vào ngân sách nhà nước nên cần tịch thu số tiền 7.400.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS. Đối với thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 112.321.106 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi một nghìn một trăm linh sáu đồng), Công ty K đã lập tờ khai thuế GTGT bổ sung và Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 54.221.106 đồng; Công ty TNHH Z đã tự kê khai điều chỉnh nộp thêm 38.285.855 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 và 16.298.391 đồng thuế GTGT, tổng 54.584.246 đồng. Công ty TNHH Z sử dụng bất hợp pháp 02 hóa đơn GTGT của Công ty CP M để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng làm tăng số tiền thuế được khấu trừ GTGT là 19.750.000 đồng, thiệt hại Ngân sách Nhà nước về thuế TNDN 38.350.000 đồng, tổng cộng là 58.100.000 đồng; đến ngày 04/5/2024, Công ty TNHH Z đã tự kê khai bổ sung điều chỉnh giảm khấu trừ thuế GTGT vào tờ khai GTGT quý 3,4/2019 và giảm chi phí tính thuế TNDN dẫn tới phát sinh thuế TNDN phải nộp năm 2019 đối với việc sử dụng bất hợp pháp 02 hoá đơn GTGT của Công ty CP M; Công ty TNHH Z không còn thiếu số tiền thuế GTGT và thuế TNDN phát sinh từ việc điều chỉnh 02 hoá đơn GTGT đầu vào của Công ty CP M nên không đặt ra xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 09 hoá đơn GTGT (bản gốc) do Công ty M xuất cho Công ty K và 02 hoá đơn GTGT (bản gốc) do Công ty M xuất cho Công ty TNHH Z và các tài liệu kèm theo gồm: Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu, ủy nhiệm chi, tài liệu về kê khai thuế GTGT, thuế thu nhập là vật chứng chứng minh tội phạm đã được thu thập và đưa vào hồ sơ vụ án là phù hợp với Điều 105 của BLTTHS nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đối với việc hạch toán giá vốn của 09 tờ hóa đơn GTGT gồm: Số 0000377 ngày 10/10/2018, số 0000549 ngày 17/01/2019, số 0000426 ngày 13/11/2018, số 0000428 ngày 15/11/2018, số 0000478 ngày 12/12/2018, số 0000547 ngày 16/01/2019, số 0000671 ngày 12/03/2019, số 0000818 ngày 04/5/2019, số 0000950 ngày 20/6/2019 của Công ty M đã xuất cho Công ty K, quá trình điều tra xác định phiếu hạch toán kế toán đối với 09 hóa đơn này qua nhiều lần thanh kiểm tra của Cơ quan thuế từ năm 2018 đến ngày 23/8/2023 bộ phận kế toán đã làm thất lạc và hiện tại không tìm thấy, không xác định được đã kê khai 09 hóa

đơn này vào những khoản cụ thể nào nên không có đủ cơ sở để xác định về số thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty K đã trốn. Đối với bà Vũ Thị Ngọc H – Kế toán trưởng Công ty M trực tiếp lập, ký 11 hóa đơn GTGT nêu trên, trực tiếp đến Ngân hàng rút và chuyển lại tiền mặt cho bị cáo. Tòa án đã hồ sơ để điều tra bổ sung đối với hành vi của bà H và việc hạch toán giá vốn của 09 tờ hóa đơn GTGT này nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố.

[11] Đối với ông Đinh Văn Q – Giám đốc Công ty M trong giai đoạn 2018-2019 đã ủy quyền bằng văn bản cho Nguyễn Đại S - Phó Giám đốc Công ty điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty không biết việc bị cáo bán trái phép hóa đơn nên không xem xét xử lý. Đối với bà Trần Thị Thu H1 – Giám đốc Công ty TNHH Z mua trái phép 02 số hóa đơn GTGT của Công ty M mục đích để kê khai thuế và được khấu trừ tổng số 58.100.000 đồng tiền thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp là hành vi trốn thuế nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã có văn bản số 1771 ngày 18/9/2023 kiến nghị với Chi cục Thuế khu vực Kim Môn xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Đối với ông Lê Văn M1 – Trưởng Phòng Hành chính Công ty K mua 09 số hóa đơn GTGT của Công ty cổ phần M (đã ghi đầy đủ nội liên quan đến việc thuê máy xúc, thực hiện hợp đồng sửa chữa, xây lắp nhưng không có hàng hoá kèm theo), không thu lợi từ việc mua bán hóa đơn nên hành vi của ông M1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” và hành vi mua bán trái phép hóa đơn của ông M1 đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Đối với ông Hòa Sinh C – Tổng Giám đốc và ông Bùi Đức Th – Phó Tổng Giám đốc Công ty K không liên hệ với Công ty CP M, các thủ tục thanh toán do Phòng hành chính và Kế toán thực hiện, ông C, ông Th không biết việc ông M1 mua bán trái phép hóa đơn nên không xem xét xử lý. Đối với Công ty Cổ phần M, việc bị cáo tự liên hệ mua bán trái phép hóa đơn, không bàn bạc với ai trong công ty, không nhân danh Công ty, không vì lợi ích của Công ty nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại Công ty Cổ phần M theo quy định tại khoản 4 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Đối với Công ty K sử dụng 09 số hóa đơn GTGT của Công ty cổ phần M, số tiền thuế GTGT được hoàn 54.221.106 đồng, không đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”, Công ty đã tự điều chỉnh và nộp lại toàn bộ số tiền thuế theo quy định nên không vi phạm quy định tại Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã ra 41 Quyết định ủy thác điều tra ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn các tỉnh để tiến hành điều tra, xác minh, thu thập tài liệu đối với 120 Công ty, doanh nghiệp có giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ với Công ty M; đến nay đã có kết quả trả lời ủy thác điều tra đối với 89 Công ty, đều thể hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế, phát sinh hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ với Công ty cổ phần M là có thật, một số Công ty bỏ địa chỉ kinh doanh, người đại diện theo pháp luật không có mặt tại địa phương hoặc đã chết, không làm việc được nên không có căn cứ xử lý; còn 31 Công ty chưa có kết quả trả lời ủy thác điều tra Cơ quan

CSĐT Công an tỉnh Hải Dương đã có văn bản trao đổi thông tin về tội phạm đến Cơ quan CSĐT Công an các đơn vị, địa phương nơi các Công ty đặt trụ sở để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định là phù hợp. Đối với 77 Công ty có phát sinh mua, bán hàng hóa dịch vụ với Công ty cổ phần M trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trong đó: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc 59 công ty xác định việc mua, bán hàng hóa với Công ty M là có thật; 18 công ty không hoạt động và bỏ địa chỉ đăng ký kinh doanh nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2, khoản 3 Điều 203; Điều 38; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đại S phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đại S 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” tại Bản án số 59/2023/HS-PT ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2023.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) bị cáo đã nộp sung vào Ngân sách Nhà nước. *(Số tiền này đã được chuyển đến Tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn tại Kho bạc Nhà nước thị xã Kinh Môn theo Ủy nhiệm chi ngày 31/01/2024, đơn vị trả tiền: Công an tỉnh Hải Dương).*

5. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: 11 hoá đơn GTGT (bản gốc) do Công ty M xuất cho Công ty K, Công ty TNHH Z và các tài liệu kèm theo gồm: Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu, ủy nhiệm chi, tài liệu về kê khai thuế GTGT, thuế thu nhập.

6. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đại S.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an tỉnh Hải Dương
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Vương Đình Thi